

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 15 – 12 – 2023

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hoàng Việt.

2/ Ông Hà Hùng Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cánh Nha - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Thu L; Sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh S (Bà L có mặt).

- Bị đơn: Ông Mai Văn T; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh S (Ông T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lý Thị Thu L trình bày:

Bà với ông Mai Văn T tổ chức lễ cưới vào năm 2015 và cũng trong năm 2015 ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Long Phú, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21 tháng 01 năm 2015. Quá trình chung sống, vợ chồng bà có xảy ra những mâu thuẫn nhưng vì con cái bà đã cố gắng chịu đựng bỏ qua nhưng từ tháng 4 năm 2023 thì mâu thuẫn mới trầm trọng và bà L không thể chịu đựng được nữa nên gửi đơn ra Tòa. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do ông T rất là ghen tuông, ghen mù quáng mà không phân biệt đúng sai. Bà L mà nói chuyện với người con trai nào (Con trai dù lớn hay nhỏ tuổi, họ hàng hay bạn bè) đều bị ông T ghen và chửi mắng những lời khó nghe. Bà L ăn mặc đẹp, sửa soạn hay nhắn tin, nói chuyện điện thoại với ai thì ông T cũng kiểm chuyện ghen tuông. Ngoài chuyện ghen tuông, ông T còn hỗn hào với mẹ của bà L. Ông T sống ở nhà cha mẹ vợ mà ông không tôn trọng cha mẹ vợ. Mỗi lần vợ chồng giận nhau thì ông T lại kiểm chuyện chửi vợ và chửi luôn cả mẹ vợ. Nay bà L không còn tình cảm với ông T nữa nên bà cương quyết ly hôn.

Trong quá trình chung sống, bà L với ông T có hai con chung là Mai Trúc Hà P, sinh ngày 26/10/2015 và Mai Thành P, sinh ngày 08/02/2018. Hiện hai cháu đang sống với mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không có.

Nay bà Lý Thị Thu L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Mai Văn T.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu ông T phải có trách nhiệm nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Tại phiên tòa, bà L trình bày bà tự nuôi hai con được và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Mai Văn T trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà L về thời gian tổ chức lễ cưới, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và về con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông T trình bày là vào tháng 3 năm 2023, vợ ông hay nhắn tin với ai đó. Thấy vậy, ông không đồng ý. Vì chuyện này mà hai vợ chồng cự cãi và vợ ông gửi đơn ra Tòa án. Nay ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của vợ ông thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu vợ ông cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị Thu L ly hôn với ông Mai Văn T. Về con chung: Giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T không phải dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Các đương sự

không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Bà Lý Thị Thu L và ông Mai Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Long Phú, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 01 tháng 01 năm 2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

[2] Xét lý do xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử thấy, theo bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ghen tuông mù quáng và còn ăn nói hỗn hào với mẹ của bà. Còn ông T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vào tháng 3 năm 2023, vợ ông hay nhậu tin với ai đó. Thấy vậy, ông không đồng ý. Vì chuyện này mà hai vợ chồng cự cãi và vợ ông gửi đơn ra Tòa án. Hai người đã ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Qua lời trình bày của hai người, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng ông bà có mâu thuẫn với nhau nhưng cả hai đã không tìm cách hàn gắn tình cảm. Mâu thuẫn kéo dài và hai người đã không còn sống chung đầu từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa, bà L trình bày bà không còn tình cảm với ông T nữa nên bà cương quyết ly hôn. Ông T tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy bà L, ông T đã mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không thể ngồi lại nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn mặc dù mâu thuẫn kéo dài từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[3] Về con chung: Bà Lý Thị Thu L và ông Mai Văn T có hai người con chung là Mai Trúc Hà P, sinh ngày 26/10/2015 và Mai Thành P, sinh ngày 08/02/2018, đang sống với bà L. Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T cũng yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Bà L trình bày, bà làm công nhân và thu nhập của bà mỗi tháng khoảng hơn 6.000.000 đồng và cha mẹ bà cũng đã hỗ trợ bà chăm sóc, nuôi dưỡng hai con từ khi bà và hai con về ở chung với cha mẹ bà từ năm 2020 cho đến nay. Ông T trình bày, công việc của ông là làm thợ hồ và đi cầm cầu, bẫy chuột đồng đem bán, thu nhập của ông mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng. Xét về điều kiện nuôi con thì ông T và bà L đều có thu nhập để nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Mai Trúc Hà P có văn bản trình bày là có nguyện vọng được sống với mẹ nếu như cha và mẹ ly hôn. Từ khi hai vợ chồng không còn sống chung thì hai cháu Phương và cháu Phát sống chung với bà L, do

bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L có điều kiện về chỗ ở và điều kiện kinh tế để lo cho con sinh hoạt, ăn học. Vì vậy, để ổn định về chỗ ở và điều kiện sống, điều kiện học tập của hai cháu Phương và Phát, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xem xét chấp nhận giao cháu Phương và cháu Phát cho bà L nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Do yêu cầu được nuôi con của bà L được chấp nhận nên yêu cầu được nuôi con của ông T không được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L thay đổi yêu cầu là không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Thu L.
- Về hôn nhân: Bà Lý Thị Thu L được quyền ly hôn với ông Mai Văn T.
- Về con chung: Giao hai cháu Mai Trúc Hà P, sinh ngày 26/10/2015 và Mai Thành P, sinh ngày 08/02/2018 cho bà Lý Thị Thu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Mai Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Mai Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Mai Văn T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con thì bà Lý Thị Thu L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Mai Văn T. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị Thu L và ông Mai Văn T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lý Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011407 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Lý Thị Thu L đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND thị trấn Đ, huyện Long Phú, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc T

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Trân